

16TCN-Đ

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số giờ lên lớp	LT	TH	Ghi chú
Học kỳ 3			495			
Môn học, mô đun bắt buộc						
1	2302092103	Toán 3	105			
2	2302092107	Vật lí 3	60			
3	2302092111	Hóa học 3	60			
4	2302092115	Ngữ văn 3	60			
5	2302022248	Máy điện 1	150	63	87	
Môn học, mô đun tự chọn						
6	2302042006	Kỹ thuật lạnh	60	32	28	
Học kỳ 4			495			
Môn học, mô đun bắt buộc						
1	2302092104	Toán 4	105			
2	2302092108	Vật lí 4	60			
3	2302092112	Hóa học 4	60			
4	2302092116	Ngữ văn 4	60			
5	2302022915	Truyền động điện	45	31	14	
6	2302022220	Điều khiển điện khí nén	75	31	44	
7	2302012280	Kỹ thuật nguội	30		30	
Môn học, mô đun tự chọn						
8	2302022917	Kỹ thuật số	60	32	28	